

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÀNG LONG
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2024/DS - ST
Ngày: 08 - 4 - 2024
V/v “ Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÀNG LONG, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành Công.

2. Ông Kiên Ngọc Minh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Cẩm Thu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Huân – Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Càng Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 173/2023/TLST - DS, ngày 15 tháng 11 năm 2023; về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2024/QĐXXST – DS, ngày 26 tháng 02 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 37/2024/QĐST – DS, ngày 21 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1983. Địa chỉ: Ấp H, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1988. Địa chỉ: Ấp P, xã B, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày: Bà có cho bà C vay tiền nhiều lần cụ thể lần 01 vay 50.000.000đồng vào ngày 15/4/2022, bà C chỉ nói vay 2 đến 3 ngày trả nên hai bên không nói tiền lãi; Lần 02 vay số tiền 300.000.000đồng nhưng không nhớ ngày, sau lần vay đầu khoảng một tháng mấy, lãi suất hai bên không nói, bà C chỉ nói vay để đáo hạn Ngân hàng, vay được tiền thì trả lại chứ không nói cụ thể ngày

nào, tiền lãi thì nói Ngân hàng tính bao nhiêu thì trả cho bà bấy nhiêu, lần vay này thì bà C có đưa cho bà 02 tờ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc thửa 241 và một thửa đất ở xã B nhưng bà không nhớ thửa số mấy vì thửa đất này bà C đưa buổi sáng thì buổi chiều đã lấy lại, mục đích lấy lại là bà C nói để đi vay tiền Ngân hàng trả cho bà; Lần 3 vay số tiền 200.000.000đồng thời gian không nhớ, bà C chỉ nói vay để mua nhà nghỉ bên chợ xã B, lãi suất thì nói khi nào Ngân hàng cho vay sẽ tính lãi cho bà theo Ngân hàng.

Tất cả các lần vay bà C có làm biên nhận cho bà, bà C không có đóng lãi cho bà, sau đó thì bà bị tai nạn giao thông, nên bà C không trả tiền và không liên lạc gì với bà, do thời gian này bà bị tai nạn rất nặng nên bà cũng bỏ qua. Nay bà yêu cầu bà C trả cho bà tiền vốn vay 550.000.000đồng và tiền lãi 0,83%/tháng tính từ ngày 22/8/2023 (ngày khởi kiện) đến ngày Tòa án giải quyết xong vụ án.

Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 241 bà đã giữ của bà C thì bà đồng ý trả lại cho bà C.

Theo lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị C trình bày: Năm 2022 bà có mượn tiền của bà N 03 lần cụ thể lần 1 là 50.000.000đồng (lãi suất 1.000.000đồng/tháng/10.000.000đồng); lần 2 là 300.000.000đồng (lãi suất 3.000đồng/ngày); lần 3 là 50.000.000đồng (lãi suất 15.000đồng/ngày); do giữa bà với bà N là bạn bè nên các lần mượn tiền có làm biên nhận nhưng không có ghi ngày, trong 03 lần mượn tiền trên bà có trả cho bà N là 100.000.000đồng trong số tiền mượn lần 02 còn lại là 200.000.000đồng, nên có viết lại biên nhận 200.000.000đồng cho bà N chứ thực tế không có mượn số tiền 200.000.000đồng của bà N; bà có đóng lãi cho bà N từ ngày 15/4 đến tháng 11/2023 và bà có giao cho bà N một chứng nhận quyền sử dụng đất (bản chính) thuộc thửa 241 do bà đứng tên để làm tin. Nay bà thừa nhận chỉ nợ bà N là 300.000.000đồng, bà đồng ý trả số tiền này cho bà N; việc bà N cho rằng bà nợ 550.000.000đồng và yêu cầu bà trả thì bà không đồng ý.

Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 241 bà N đã giữ của bà, bà yêu cầu bà N trả lại cho bà.

Vị Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long trình bày quan điểm cho rằng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi Tòa án thụ lý đến thời điểm này Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định theo Điều 48 của Bộ Luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án như có tiến hành thu thập chứng cứ, gửi các văn bản tố tụng cho đương sự, cũng như gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu và đưa vụ án ra xét xử. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo trình tự phiên tòa sơ thẩm.

Việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng đối với nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định Điều 70, 71 của Bộ Luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện nghiêm quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

* *Về nội dung vụ án:* Vị đề nghị căn cứ vào quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự; Bộ luật Dân sự và các quy định pháp luật có liên quan.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà N.

Buộc bà C có nghĩa vụ trả cho bà N số tiền vốn là 550.000.000đồng và tiền lãi từ ngày 22/8/2023 đến ngày xét xử 08/4/2024 là 34.389.000đồng. Tổng cộng 584.389.000đồng (*Năm trăm tám mươi bốn triệu ba trăm tám mươi chín nghìn đồng*).

2. Buộc bà N có nghĩa vụ trả cho bà C giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc thửa đất 241, tờ bản đồ số 47, diện tích 1.869,9m², loại đất ở đô thị và trồng cây lâu năm, tọa lạc tại Khóm H, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh do bà Nguyễn Thị C đứng tên.

3. Về án phí sơ thẩm: Buộc đương sự có nghĩa vụ chịu theo quy định của pháp luật trừ trường hợp miễn nộp hoặc không phải nộp.

Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị N là nguyên đơn có đơn yêu cầu vắng mặt; bà Nguyễn Thị C là bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trên cơ sở xem xét toàn diện chứng cứ, ý kiến của các đương sự trong vụ án, quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát. Tòa án nhân dân huyện Càng Long nhận định:

[1] **Về thủ tục tố tụng:** Đối với bà Nguyễn Thị N vắng mặt có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt; bà Nguyễn Thị C vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] **Về nội dung vụ án:** Việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa bà N và bà C là có thật được thể hiện tại 03 biên nhận nợ (lần 1 vay 50.000.000đồng vào ngày 15/4/2022; lần 2 vay 300.000.000đồng không ghi ngày và lần 3 vay 200.000.000đồng không ghi ngày) do bà N cung cấp và được bà C thừa nhận do bà viết và ký tên xác nhận. Căn cứ Điều 92 của Bộ Luật tố tụng dân sự tình tiết các bên đương sự thừa nhận là tình tiết không cần phải chứng minh.

Căn cứ vào 03 biên nhận nợ trên thì bà N cho rằng bà C còn nợ bà N số tiền vốn là 550.000.000đồng đến nay chưa trả. Nay bà N yêu cầu bà C trả số tiền này và yêu cầu tính tiền lãi 0,83%/tháng từ ngày 22/8/2023 (ngày khởi kiện) đến ngày Tòa án giải quyết xong vụ án. Bà C chỉ thừa nhận còn nợ bà N là 300.000.000đồng và đồng ý trả cho bà N số tiền còn nợ, bà C không thừa nhận có nợ số tiền 550.000.000đồng như bà N khởi kiện.

Xét lời thừa nhận của bà C cho rằng còn nợ bà N là 300.000.000đồng bởi vì trong 03 lần vay tiền trên thì bà đã trả được cho bà N là 100.000.000đồng tiền vốn trong số tiền vay lần ghi biên nhận thứ hai (tức là lần vay 300.000.000đồng) còn lại là 200.000.000đồng, nên bà đã viết lại biên nhận 200.000.000đồng cho bà N, chứ bà không có nhận số tiền 200.000.000đồng nào thêm của bà N ở lần vay thứ 03 mà

bà N đã cung cấp. Xét lời nại ra của bà C là không có cơ sở; bởi lẽ bà N không thừa nhận và trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án có ra thông báo cho bà C cung cấp chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của bà thì bà C không cung cấp được. Phía bà N thì cung cấp được chứng cứ là 03 biên nhận nợ về số tiền vay 550.000.000đồng do bà C ghi và ký tên xác nhận. Căn cứ Điều 91 của Bộ Luật tố tụng dân sự thì đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp thì phải cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp.

Đối với tiền lãi: Theo bà C thì cho rằng bà có đóng lãi cho bà N từ ngày 15/4 đến tháng 11/2023 nhưng bà không trình bày được số tiền cụ thể và cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh; phía bà N không thừa nhận có nhận tiền lãi như bà C trình bày. Nay bà N yêu cầu tính lãi 0,83%/tháng từ ngày 22/8/2023 (ngày khởi kiện) đến ngày Tòa án giải quyết xong vụ án (ngày 08/4/2024) đối với số tiền vốn vay 550.000.000đồng là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận. Tiền lãi được tính cụ thể như sau: $550.000.000\text{đồng} \times 0,83\%/tháng = 4.565.000\text{đồng}/tháng \times 7\text{ tháng} = 31.955.000\text{đồng}$.

Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N. Buộc bà C có nghĩa vụ trả cho bà N số tiền vốn là 550.000.000đồng và tiền lãi tính đến ngày 08/4/2024 là 31.955.000đồng. Tổng cộng 581.955.000đồng.

[3] Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bản chính) thuộc thửa đất 241, tờ bản đồ số 47, diện tích 1.869,9m², loại đất ở đô thị và trồng cây lâu năm, tọa lạc tại Khóm H, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh bà C đã giao cho bà N giữ để làm tin vay tiền; bà N đồng ý trả lại cho bà C. Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện này của bà N.

[4] Quan điểm của Vị kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà C có nghĩa vụ chịu án phí theo quy định của pháp luật; bà N không phải chịu án phí và được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 238, 271 và Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 463, 466 và Điều 468 của Bộ Luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N.

Buộc bà Nguyễn Thị C có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền vốn vay là 550.000.000đồng và tiền lãi là 34.389.000đồng. Tổng cộng 584.389.000đồng (*Năm trăm tám mươi bốn triệu ba trăm tám mươi chín nghìn đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp Cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ Luật dân sự năm 2015.

2. Buộc bà Nguyễn Thị N có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị C một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bản chính) thuộc thửa đất 241, tờ bản đồ số 47, diện tích 1.869,9m², loại đất ở đô thị và trồng cây lâu năm, tọa lạc tại Khóm H, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh do bà Nguyễn Thị C đứng tên (chính trang tự).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị N không phải chịu án phí sơ thẩm. Đối với số tiền 13.000.000đồng (*Mười ba triệu đồng*) tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số AA/2020/0019605, nộp ngày 09 tháng 11 năm 2023 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Càng Long thu được hoàn trả bà N.

Bà Nguyễn Thị C có nghĩa vụ nộp 27.375.500đồng (*Hai mươi bảy triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn năm trăm đồng*) án phí sơ thẩm.

“ Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết ”.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Tuyết Thanh